

KIẾN THỨC, THỰC HÀNH CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG CHO TRẺ CỦA BÀ MẸ CÓ CON HỌC TẠI 2 TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ THÁI BÌNH NĂM 2019

Lê Thị Kiều Hạnh✉

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Các bà mẹ càng có kiến thức, thái độ tích cực trong chăm sóc răng miệng ở trẻ thì trẻ càng có sức khỏe răng miệng tốt. Vì vậy vai trò của các bà mẹ trong vấn đề chăm sóc sức khỏe răng miệng của trẻ đóng vai trò hết sức quan trọng. Nghiên cứu thực hiện với mục tiêu mô tả kiến thức, thực hành về chăm sóc răng miệng của bà mẹ có con học tại 2 trường mầm non thành phố Thái Bình. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện với 356 bà mẹ có con học tại 2 trường mầm non Đề Thám và Hoa Phượng thuộc thành phố Thái Bình. Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền khuyết danh. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 77,2% bà mẹ biết nguyên nhân sâu răng ở trẻ là do ăn nhiều bánh kẹo; 91,3% bà mẹ biết biểu hiện trẻ bị sâu răng là có lỗ màu đen; 86,8% bà mẹ biết đúng biện pháp phòng bệnh răng miệng cho trẻ bằng chải răng hàng ngày. Có 29,2% bà mẹ có kiến thức đúng về phòng bệnh sâu răng và 11,5% bà mẹ có thực hành đúng về phòng bệnh sâu răng cho trẻ.

Từ khóa: kiến thức, thực hành, sức khỏe răng miệng, trẻ em, trường mầm non, Thái Bình.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thống kê của tổ chức Unicef về tỷ lệ bệnh tật của học sinh tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy tỷ lệ mắc bệnh răng miệng khá cao, chiếm 17,41% ở trẻ mầm non; 35,14% ở học sinh tiểu học.¹ Tại Thái Bình, nghiên cứu của tác giả Phí Văn Toại (năm 2013) ở 2 trường mầm non huyện Đông Hưng cho thấy tỷ lệ sâu răng chung là 53,2%; trong đó nữ là 56,0%; nam là 54,0%. Tỷ lệ sâu răng cao nhất ở trẻ 5 tuổi chiếm 62,9% và thấp nhất ở trẻ 3 tuổi chiếm 41,3%.²

Hiện nay, vấn đề sâu răng là một thách thức cho cộng đồng đặc biệt là răng sữa. Sâu răng sữa là một dạng sâu răng đặc biệt, tiến triển nhanh và có tác động lâu dài lên răng. Trẻ em bị sâu răng như trẻ sơ sinh hoặc trẻ em ở lứa tuổi mầm non sẽ có nguy cơ nhiều về sâu răng tiếp theo ở cả

răng chính và răng vĩnh viễn. Hậu quả của sâu răng sữa có thể ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống ngay lập tức hoặc lâu dài của trẻ cũng như gia đình trẻ, cả về kinh tế cũng như xã hội.³ Phòng bệnh răng miệng là quá trình đơn giản, không phức tạp, không đòi hỏi trang thiết bị đắt tiền, chi phí thấp, dễ thực hiện tại cộng đồng, đặc biệt là ở đối tượng trẻ em. Đặc biệt, trẻ em trong lứa tuổi mầm non đã bắt đầu hình thành nhân cách, có những nhận thức cơ bản về thế giới xung quanh và có thể hình thành những thói quen chăm sóc bản thân. Và hầu hết toàn bộ thời gian những năm đầu đời của trẻ dưới 5 tuổi là ở bên cha mẹ, kể cả khi trẻ đã đi học mẫu giáo. Trong những năm này, các thói quen của trẻ sẽ dần được hình thành và phần lớn các thói quen của trẻ trong đó có thói quen ăn uống và vệ sinh răng miệng là chịu ảnh hưởng từ kiến thức, thái độ và hành vi của cha mẹ, đặc biệt là các bà mẹ là người tiếp xúc và trực tiếp chăm sóc trẻ. Kiến thức, kĩ năng của bà mẹ càng tốt thì trẻ càng có hành vi đúng. Chính vì vậy, để đánh giá, kiến thức, hành vi của bà mẹ về chăm

Tác giả liên hệ: Lê Thị Kiều Hạnh

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Email: lehanh.qn85@gmail.com

Ngày nhận: 25/10/2022

Ngày được chấp nhận: 15/11/2022

sức khỏe răng miệng của trẻ chúng tôi tiến hành triển khai thực hiện nghiên cứu: “Kiến thức, thực hành về chăm sóc răng miệng cho trẻ của bà mẹ có con học tại 2 trường mầm non thành phố Thái Bình năm 2019” với mục tiêu sau: *Mô tả kiến thức, thực hành về chăm sóc răng miệng cho trẻ của bà mẹ có con học tại 2 trường mầm non thành phố Thái Bình.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu: bà mẹ là người trực tiếp chăm sóc trẻ.

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Các bà mẹ có con đang theo học tại 2 trường mầm non Hoa Phượng và Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tiêu chuẩn loại trừ

- Đối tượng tại thời gian khảo sát không đủ sức khỏe để tham gia trả lời câu hỏi khảo sát hoặc đối tượng không hợp tác trong quá trình nghiên cứu.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: nghiên cứu được tiến hành tại 2 trường mầm non Hoa Phượng và Đề Thám thuộc thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 2/2019 đến tháng 9/2019, thời gian thu thập số liệu tháng 5/2019.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: phỏng vấn kiến thức, thực hành của các bà mẹ về phòng bệnh răng miệng cho trẻ tại 2 trường mầm non, được tính theo công thức sau:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{e^2}$$

Trong đó:

n: là cỡ mẫu cho nghiên cứu (đơn vị mẫu là

bà mẹ)/trường.

$Z_{1-\alpha/2}$: hệ số tin cậy phụ thuộc vào ngưỡng xác suất μ (Với $\mu = 0,05$ thì $Z = 1,96$).

p: ước tính bà mẹ có kiến thức, thực hành đúng về phòng bệnh răng miệng cho trẻ, theo kết quả nghiên cứu trước $p = 0,65$.²

e: độ sai lệch mong muốn, trong nghiên cứu này chúng tôi chọn $e = 0,05$.

Với các dữ liệu trên cỡ mẫu được tính cho điều tra là 349 bà mẹ. Trên thực tế, chúng tôi điều tra được 356 bà mẹ.

Chọn mẫu: sử dụng kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên đơn để chọn ra các bà mẹ có con đang học tại 2 trường mầm non Hoa Phượng và Đề Thám để phỏng vấn.

Phương pháp thu thập thông tin: số liệu được thu thập qua bộ câu hỏi đã được chuẩn bị sẵn. Đối tượng tự trả lời câu hỏi nghiên cứu theo mẫu có sẵn bao gồm các câu hỏi nhằm xác định thông tin trong quá trình nghiên cứu, bao gồm các thông tin chung như tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn...; các kiến thức liên quan đến phòng bệnh răng miệng cho trẻ (nguyên nhân gây sâu răng, tác hại sâu răng, biểu hiện sâu răng, các biện pháp phòng bệnh răng miệng...); cách chải răng cho trẻ, thời gian thay bàn chải cho trẻ, thói quen cho con ăn vặt, tần suất thăm khám nha khoa...

Biến số, chỉ số nghiên cứu

- Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: nghề nghiệp, trình độ học vấn.

- Kiến thức của bà mẹ về chăm sóc răng miệng cho trẻ: nguyên nhân gây sâu răng, biểu hiện sâu răng ở trẻ, cách vệ sinh răng miệng cho trẻ, cách chải răng cho trẻ, cách phòng bệnh răng miệng cho trẻ.

- Thực hành của bà mẹ về chăm sóc răng miệng cho trẻ: thời điểm bà mẹ đánh răng cho trẻ, cách chải răng, số lần chải răng cho trẻ, thời gian một lần chải răng, cho con ăn đồ ngọt trước khi ngủ.

Kiến thức, thực hành của bà mẹ về phòng bệnh răng miệng: cho điểm dựa vào tầm quan trọng của mỗi vấn đề. Mỗi câu trả lời đúng được tính là 1 điểm, trả lời sai không trừ điểm. Các bà mẹ trả lời đúng 75% trở lên các câu hỏi trong bảng hỏi xác định là đạt.

Công cụ nghiên cứu: bộ công cụ được xây dựng dựa trên mục tiêu và các biến số nghiên cứu, có tham khảo dựa trên một số nghiên cứu khác (Trần Tấn Tài, 2016; Johnson John Omale, 2014).^{4,5} Sau khi đề cương nghiên cứu được thông qua, thực hiện điều tra thử trên 50 bà mẹ nhằm chỉnh sửa bộ câu hỏi. Bộ câu hỏi

gồm có 2 phần với 39 câu hỏi.

Xử lý số liệu

Số liệu được làm sạch và nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1. Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

Thống kê mô tả: số lượng và tỷ lệ phần trăm đối với các biến định tính.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài cấp cơ sở Trường Đại học Y Dược Thái Bình thông qua. Đối tượng nghiên cứu tham gia tự nguyện, chỉ điều tra những người đồng ý tham gia nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Phân bố một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 356)

Thông tin chung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nghề nghiệp		
Làm ruộng	3	0,8
Công chức, viên chức	151	42,4
Buôn bán	70	19,7
Công nhân	56	15,7
Nhân viên văn phòng	76	21,4
Trình độ học vấn		
Tiểu học	2	0,6
Trung học cơ sở	13	3,6
Trung học phổ thông	62	17,4
Đại học, cao đẳng, trung cấp	279	78,4

Kết quả bảng 1 cho thấy 42,4% nghề nghiệp của các bà mẹ là công chức viên chức; 21,4% là nhân viên văn phòng; 19,7% là buôn bán; 15,7% là công nhân và chỉ có 0,8% là làm

ruộng. Trình độ học vấn là trung cấp, cao đẳng, đại học của các bà mẹ chiếm tỷ lệ cao nhất (78,4%) và thấp nhất là bà mẹ có trình độ học vấn tiểu học (0,6%).

Bảng 2. Kiến thức của bà mẹ về chăm sóc răng miệng ở trẻ (n = 356)

Kiến thức của bà mẹ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nguyên nhân sâu răng		
Ăn nhiều bánh kẹo	275	77,2

Kiến thức của bà mẹ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nguyên nhân sâu răng		
Ăn xong không chải răng	222	62,4
Không chải răng khi đi ngủ	213	59,8
Vi khuẩn	167	46,9
Ngậm thức ăn lâu khi ăn	165	46,3
Ngậm bình sữa khi ngủ	155	43,5
Virut	38	10,7
Không biết	5	1,4
Biểu hiện sâu răng		
Lỗ màu đen	325	91,3
Chảy máu lợi	100	28,1
Ê buốt khi ăn, uống thức ăn lạnh	169	47,5
Răng bị vỡ	161	45,2
Trẻ đau răng	249	69,9
Không biết	3	0,8
Phương pháp vệ sinh răng miệng		
Chải răng	333	93,5
Súc miệng	212	59,6
Dùng chỉ nha khoa	130	36,5
Dùng khăn sạch cọ răng	92	25,8
Không biết	2	0,6
Cách chải răng		
Chải dọc theo thân răng	76	21,3
Chải ngang thân răng	15	4,2
Chỉ chải mặt nhai	1	0,3
Chải xoay tròn từng vùng, cả mặt ngoài, mặt trong, mặt nhai	264	74,2
Biện pháp phòng bệnh răng miệng		
Chải răng hàng ngày	309	86,8
Súc miệng bằng nước súc miệng	205	57,6
Hạn chế đồ ngọt, ăn vặt	265	74,4
Đi khám răng định kỳ	254	71,3

Kiến thức của bà mẹ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Biện pháp phòng bệnh răng miệng		
Không ngậm thức ăn	166	46,6
Không biết	5	1,4

Số liệu bảng 2 cho thấy kiến thức của bà mẹ về chăm sóc răng miệng ở trẻ. 77,2% bà mẹ biết nguyên nhân sâu răng ở trẻ là do ăn nhiều bánh kẹo; 62,4% là ăn xong không chải răng; 59,8% là do không chải răng khi đi ngủ. 91,3%

bà mẹ biết biểu hiện trẻ bị sâu răng là có lỗ màu đen chiếm tỷ lệ cao nhất. 86,8% bà mẹ biết được biện pháp phòng bệnh răng miệng cho trẻ bằng chải răng hàng ngày.

Bảng 3. Thực hành của bà mẹ về chăm sóc răng miệng ở trẻ (n = 356)

Thực hành của bà mẹ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thời điểm bắt đầu vệ sinh răng đầu tiên		
Khi mọc chiếc răng đầu tiên	41	11,5
Sau khi mọc được vài răng sữa	49	13,8
Trẻ 1 tuổi	51	14,3
Trẻ 2 tuổi	121	34,0
Trẻ ≥ 3 tuổi	76	21,4
Chưa bao giờ	10	2,8
Không nhớ	8	2,2
Cách chải răng		
Chải dọc theo thân răng	72	20,7
Chải ngang thân răng	25	7,2
Chỉ chải mặt nhai	3	0,8
Chải xoay tròn từng vùng, cả mặt ngoài, mặt trong, mặt nhai	248	71,3
Số lần chải răng		
1 lần/ngày	111	31,9
2 lần/ngày	230	66,1
3 lần/ngày	7	2,0
Thời gian 1 lần chải răng		
Dưới 2 phút	152	43,7
Từ 2-3 phút	130	37,4

Thực hành của bà mẹ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thời gian 1 lần chải răng		
Trên 3 phút	30	9,6
Không để ý	36	10,3
Cho con ăn đồ ngọt trước khi ngủ buổi tối		
Có, thường xuyên	251	70,5
Có, thi thoảng	7	2,0
Không bao giờ	98	27,5

Số liệu bảng 3 cho thấy thực hành về chăm sóc răng miệng cho trẻ ở bà mẹ. Chỉ có 11,5% bà mẹ vệ sinh răng cho con khi mọc chiếc răng đầu tiên; 71,3% bà mẹ chải xoay tròn từng vùng, cả mặt ngoài, mặt trong, mặt nhai răng của trẻ;

66,1% bà mẹ chải răng cho trẻ 2 lần/ngày; về thời gian cho một lần chải răng có 43,7% bà mẹ chải cho con dưới 2 phút và 37,4% từ 2 - 3 phút. Có 70,5% bà mẹ cho con ăn đồ ngọt thường xuyên trước khi ngủ buổi tối.

Bảng 4. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức, thực hành đúng về chăm sóc răng miệng cho trẻ (n = 356)

Kiến thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đúng	104	29,2
Thực hành đúng	41	11,5
Tổng	356	100

Số liệu bảng 4 cho thấy có 29,2% bà mẹ có kiến thức đúng về phòng bệnh răng miệng và có 11,5% bà mẹ có thực hành đúng về phòng bệnh răng miệng.

IV. BÀN LUẬN

Các hành vi liên quan đến sức khỏe chịu ảnh hưởng bởi kiến thức, thực hành và phòng bệnh răng miệng cũng không ngoại lệ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 77,2% bà mẹ biết nguyên nhân sâu răng ở trẻ là do ăn nhiều bánh kẹo; 62,4% là ăn xong không chải răng; 59,8% là do không chải răng khi đi ngủ; 46,9% biết là do vi khuẩn. Tuy nhiên, vẫn còn 10,7% bà mẹ cho rằng là do vi rút. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự kết quả nghiên cứu của tác giả Lê Quang Vương cho thấy 54,5% bà

mẹ có kiến thức đúng về nguyên nhân sâu răng do vi khuẩn.⁶ Tỷ lệ các bà mẹ biết nguyên nhân cũng như ảnh hưởng của sâu răng đến trẻ tuy chưa cao nhưng đa số các bà mẹ đều biết rằng sâu răng có thể được phòng tránh bằng hai biện pháp quan trọng trong phòng bệnh sâu răng là chải răng hàng ngày (86,8%) và hạn chế đồ ngọt, ăn vặt (74,4%). Nghiên cứu của chúng tôi tương tự kết quả nghiên cứu của tác giả Vũ Thị Hà tại trường mầm non 19 - 5, thành phố Thái Nguyên cho thấy 92,4% bà mẹ cho rằng cách ngừa sâu răng là chải răng thường xuyên; 78,5% là hạn chế đồ ăn ngọt và 66,6% khám răng thường xuyên.⁷

Các phương pháp vệ sinh răng miệng bao gồm chải răng, dùng chỉ nha khoa, súc miệng. Khi được hỏi về các phương pháp vệ sinh răng

miệng cho trẻ, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 93,5% các bà mẹ biết phương pháp vệ sinh răng cho trẻ là chải răng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy 74,2% bà mẹ biết đúng kỹ thuật chải răng là chải xoay tròn từng vùng, cả mặt ngoài, mặt trong, mặt nhai. Nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Asmaa Alkhtib.⁸ Tuy nhiên, vẫn còn 21,3% bà mẹ vẫn cho rằng chỉ cần chải dọc theo thân răng là được. Điều này cho thấy cần phải tăng cường công tác truyền thông hơn nữa cũng như hướng dẫn các bà mẹ thực hành chải răng đúng cách cho trẻ sẽ giúp trẻ thực hành chải răng đúng cách.

Chăm sóc răng miệng cho trẻ nên bắt đầu thật sớm, ngay từ lúc mọc chiếc răng sữa đầu tiên khi mà trẻ. Trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, đa số các bà mẹ bắt đầu cho trẻ chải răng từ 2 tuổi (34,0%); tiếp theo là khi trẻ được 3 tuổi trở lên (21,4%); 14,3% là khi trẻ 1 tuổi; 13,8% là sau khi mọc được vài răng sữa; 11,5% khi trẻ mọc chiếc răng đầu tiên. Nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn nghiên cứu của tác giả Asmaa Alkhtib, trong nghiên cứu của tác giả cho thấy 42% bà mẹ chải răng khi trẻ được 2 tuổi và 48% là khi trẻ được 3 tuổi.⁸ Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy, 66,1% bà mẹ chải răng cho trẻ 2 lần/ngày. Nghiên cứu của tác giả Morenike O Folayan cho thấy 15,6% ông bố và 16,0% chải răng cho trẻ 2 lần/ngày; thấp hơn nghiên cứu của chúng tôi.⁹ Điều này có thể lý giải do vùng nghiên cứu của tác giả của chúng tôi và tác giả khác nhau, nghề nghiệp của đối tượng chăm sóc các con cũng khác nhau.

Theo quy luật chung xuất phát từ hiểu biết, có kiến thức và thái độ sẽ dẫn đến những hành động của đối tượng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, kiến thức chung của bà mẹ về phòng bệnh sâu răng chưa cao (29,2%) nên khi đánh giá thực hành chung của bà mẹ về phòng bệnh sâu răng cũng chưa đạt kết quả

cao, chỉ có 11,8% bà mẹ có thực hành đúng về phòng bệnh sâu răng cho trẻ (thời gian bắt đầu vệ sinh răng cho trẻ, cách chăm sóc răng cho trẻ, thời gian cho trẻ khám răng định kỳ). Nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Thủy (2009), quận Tây Hồ, Hà Nội ở học sinh tiểu học cho thấy kiến thức của cha mẹ về phòng chống sâu răng cho con đạt yêu cầu chiếm tỷ lệ 69,3%.¹⁰ Đây thực sự là vấn đề mà các nhà quản lý y tế cần quan tâm vì bà mẹ là đối tượng gần gũi với trẻ, đồng thời cũng là đối tượng hướng dẫn trẻ chăm sóc răng miệng từ khi trẻ mọc những chiếc răng đầu tiên. Nếu bà mẹ có đầy đủ những kiến thức nha khoa thông thường sẽ có những hành vi đúng đắn đồng thời sẽ giúp trẻ tạo dựng những thói quen tốt để chăm sóc hàm răng của mình. Cần phải tăng cường tuyên truyền giáo dục phòng bệnh sâu răng hơn nữa trong cộng đồng để nâng cao và bổ sung các kiến thức thiếu hụt của các bà mẹ về phòng bệnh sâu răng ở trẻ.

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc đo lường kiến thức, thực hành của các bà mẹ về chăm sóc răng miệng dựa trên số liệu tự báo cáo của các bà mẹ là chủ yếu, chưa thực hiện thăm khám tình trạng sâu răng ở trẻ có bà mẹ được phỏng vấn. Do đó nghiên cứu chưa chỉ ra được mối tương quan giữa sâu răng và kiến thức, thực hành của bà mẹ về chăm sóc răng miệng cho trẻ. Những nghiên cứu tiếp theo của chủ đề này sẽ thực hiện thăm khám tình trạng sâu răng của trẻ để đánh giá toàn diện hơn về vai trò của bà mẹ trong việc chăm sóc răng miệng cho trẻ.

V. KẾT LUẬN

Kiến thức, thực hành đúng của bà mẹ về phòng bệnh sâu răng cho trẻ chưa cao chỉ có 29,2% bà mẹ có kiến thức đúng về phòng bệnh sâu răng và 11,5% bà mẹ có thực hành đúng về phòng bệnh sâu răng cho trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Unicef. *Phân tích tình hình trẻ em thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam năm 2017*. 2017.
2. Phí Văn Toại. Thực trạng sâu răng ở trẻ 25 - 60 tháng tuổi và hiệu quả một số biện pháp can thiệp ở 2 trường mầm non huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Luận án Bác sĩ chuyên khoa II. Trường Đại học Y Dược Thái Bình; 2013.
3. Colak Hakan, T.Dulgergil Coruh, Dalli Mehmet. Early childhood caries update: A review of causes, diagnoses, and treatments. *Journal of natural science, Biology and Medicine*. 2013;4(1):29-38.
4. Trần Tấn Tài. Thực trạng bệnh sâu răng và hiệu quả của giải pháp can thiệp cộng đồng của học sinh tại một số trường tiểu học ở Thừa Thiên Huế. Luận án tiến sĩ Y tế công cộng. Đại học Huế; 2016.
5. Omale Johnson John. Oral health knowledge, attitudes, and practices among secondary school students in Nigeria. Walden University; 2014.
6. Lê Quang Vương. Thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan từ phía bà mẹ của học sinh trường tiểu học thị trấn Nông Công, tỉnh Thanh Hóa năm 2018. Luận văn thạc sĩ Y tế công cộng. Trường Đại học Thăng Long; 2018.
7. Vũ Thị Hà, Lê Thị Thu Hằng. Kiến thức, thái độ, kĩ năng chăm sóc sức khỏe răng miệng cho trẻ dưới 5 tuổi trường mầm non 19-5, thành phố Thái Nguyên. *Bản tin Y Dược học miền núi*. 2016;2:97-102.
8. Alkhtib Asmaa, Morawala Abdul. Knowledge, attitudes, and practices of mothers of preschool children about oral health in Qatar: A cross-sectional survey. *Dentistry journal*. 2018;6(4):51.
9. Folayan Morenike O, Kolawole Kikelomo A, Oyedele Titus, et al. Association between knowledge of caries preventive practices, preventive oral health habits of parents and children and caries experience in children resident in sub-urban Nigeria. *BMC oral health*. 2014;14(1):1-10.
10. Nguyễn Thanh Thủy. Thực trạng bệnh sâu răng và một số yếu tố liên quan ở học sinh tiểu học Nhật Tân, Hà Nội. *Tạp chí Y tế Công cộng*. 2009;26:34-38.

Summary

KNOWLEDGE, PRACTICES OF DENTAL CARE AMONG MOTHERS HAVING CHILDREN STUDY AT TWO KINDERGARTENS IN THAI BINH CITY IN 2019

Children's dental status was good when their mothers had a positive attitude on children's dental care. Therefore, the mother plays an important role in taking care of children's dental health. The research with objective to assess the knowledge, practice among mothers toward children's dental health at two kindergartens in Thai Binh city. A cross-sectional descriptive survey was conducted in 356 mothers of children in two kindergartens named Hoa Phuong and De Tham in Thai Binh city. The research using anonymous self-reported questionnaires. The results showed 77.2% of mothers knew that eating lots of candies was the cause of tooth decay; 91.3% of them were aware that black spots appearing on children's teeth were the symptom of tooth decay. Concerning the prevention of dental caries by tooth brushing every day, 86.8% of the mothers gave the correct answer. The overall rate of mothers having

good knowledge and practice on preventing children's oral diseases was 29.2% and 11.5% respectively.

Keywords: knowledge, practice, dental care, children, preschool, Thai Binh.